

Cơ hội, thách thức cho việc thu hút FDI vào Việt Nam sau khi gia nhập Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và đề xuất giải pháp

PGS.TS. Nguyễn Thường Lạng

Đại học Kinh tế quốc dân

NCS. Th.S. Trịnh Quốc Tuy

Đại học Kinh tế quốc dân

Th.S. Đinh Thị Hồng Hạnh

Đại học Quốc gia - Hà Nội

Ngày 05/10/2015, Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) được 12 quốc gia sáng lập ký kết. Ngày 05/11/2015, cả 12 quốc gia đồng loạt công bố nội dung Hiệp định này, mặc dù các quốc gia vẫn chưa hoàn tất việc rà soát pháp lý theo đúng thủ tục. Trong thời gian ngắn nhất để TPP có thể được thông qua bởi Quốc hội các nước thành viên là nửa đầu năm 2016, như vậy phải 5 - 6 tháng tiếp theo để Hiệp định có hiệu lực trên lãnh thổ của các quốc gia thành viên. TPP cùng với các hiệp định khác đang tạo ra nền tảng mới đối với sự phát triển kinh tế Việt Nam.

Đối với Việt Nam, việc tham gia ký kết TPP là dấu mốc quan trọng. Một mặt, cho thấy sự trưởng thành về năng lực đàm phán, việc nhìn nhận và nắm bắt kịp thời cơ hội do xu hướng tự do hóa thương mại mang lại, thể hiện bước tiến đáng kể trong hội nhập chủ động, tích cực sau WTO; mặt khác, giúp Việt Nam đa dạng hóa thị trường và nguồn vốn đầu tư.

1. TPP - Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

TPP được xem là hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Sau khi được ký kết và công bố, nó cho thấy rõ hơn các tiêu chuẩn nhất định của loại hiệp định này được định dạng cụ thể và rõ ràng, bao gồm:

Một là, các thành viên tham gia ký kết đều là thành viên WTO trong nhiều năm và các thành viên đều hiểu rõ bản chất, thực hiện gần như đầy đủ các nguyên tắc, cam kết trong WTO. Việt Nam là quốc gia sau cùng thực hiện đầy đủ các cam kết WTO trong số 12 thành viên TPP, tuy nhiên, ngày 11/01/2018 là thời hạn cuối cùng để tuân thủ đầy đủ các cam kết này. Do đó, các cam kết TPP phải có bước tiến cao hơn, rút ngắn tối đa thời gian quá độ về yêu cầu và sâu hơn về tổ chức thực hiện so với các cam kết trong WTO. Nói cách khác đây là thế hệ Hiệp định đặt đỉnh cam kết cao nhất mà khi có hiệu lực, các cam kết của nó có thể thay thế hoàn

toàn tất cả các cam kết đã có trước đó giữa các nước thành viên. Những giá trị cốt lõi của nền thương mại tự do, minh bạch và công bằng được xác lập.

Hai là, TPP đòi hỏi cao hơn về nghĩa vụ tuân thủ, nên nó mang lại quyền lợi lớn hơn đối với các thành viên tham gia. Nói cách khác, TPP hình thành nền tảng nhận thức gắn kết chặt chẽ giữa cam kết với hành động. Về bản chất, TPP hình thành một khu vực mậu dịch tự do triệt để hơn đối với hầu hết các lĩnh vực của thương mại tự do như thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, liên quan đến thương mại, sở hữu trí tuệ đối với thương mại, bảo vệ môi trường và tiêu chuẩn về lao động. Đây là một thách thức hay yêu cầu khắt khe đặt ra đối với các đối tác thương mại từng có hành vi thiếu nghiêm túc trong tuân thủ các nghĩa vụ được cam kết, hoặc coi TPP là một rào cản để bảo vệ nền thương mại tự do thực sự.

Ba là, TPP tạo ra sự đồng thuận cao nhất giữa các thành viên và có sự thống nhất về ngày công bố hiệp định (5/11/2015) cũng như tạo ra sự khác biệt mới trong thủ tục là việc công bố Hiệp định diễn ra trước khi hoàn tất thủ tục pháp lý và trước khi được Quốc hội của các quốc gia thành viên phê chuẩn. Điều này nằm ngoài dự kiến ban đầu hoặc thông lệ trong đàm phán, ký kết các hiệp định quốc tế.

Bốn là, TPP là một hiệp định có giá trị tham khảo trực tiếp và quan trọng thậm chí là Hiệp định có độ tiêu chuẩn hóa cao nhất đối với việc đàm phán và ký kết các loại hiệp định khác của các quốc gia khác. Đây là tiền đề của nền tảng pháp lý thương mại mới phù hợp với điều kiện toàn cầu hóa ngày càng diễn ra theo chiều sâu kể từ thời điểm ra đời của WTO.

2. Cơ hội mới đối với Việt Nam trong thu hút FDI

Thứ nhất, thu hút được nhiều FDI, công nghệ hiện đại, trình độ quản lý tiên tiến. Một lượng FDI có thể đạt hàng chục tỷ USD trong giai đoạn 2016-2025 vào các

lĩnh vực sản xuất- chế tạo, tạo khả năng để biến Việt Nam trở thành trung tâm sản xuất hàng dệt may, giày dép, chế tạo linh kiện hàng đầu thế giới. Đồng thời, FDI vào dịch vụ vận tải, logistics, kho tàng, bến bãi, bảo quản hàng hóa có thể là lĩnh vực thu hút FDI triển vọng.

Dòng FDI vào Việt Nam có thể được xem xét từ hai nhóm nước. Nhóm thứ nhất đến từ 11 nước thành viên khác trong TPP. Do vừa mới công bố, hiệp định chưa được Quốc hội các nước thông qua, nên các doanh nghiệp, giới đầu tư hoặc cộng đồng doanh nhân chưa thực sự quan tâm đầy đủ và được nghiên cứu sâu sắc để đưa ra các chiến lược mang tính đón đầu. Dòng FDI của các nước này sẽ hướng vào Việt Nam ở những mặt hàng có thể mạnh hay lợi thế so sánh cao như dệt may, giày dép, nông sản để tiêu thụ tại Việt Nam, xuất khẩu sang thị trường nước đầu tư hoặc xuất khẩu sang thị trường một nước thứ ba thuộc TPP hoặc ngoài TPP.

Nhóm thứ hai, đến từ các nước không phải thành viên TPP. Các quốc gia này sẽ tận dụng những ưu đãi về thuế, phi thuế và các rào cản thương mại, đầu tư khác trong TPP để đầu tư vào Việt Nam. Hoạt động này sẽ tận dụng lợi thế tại chỗ về thị trường, thu nhập dân cư, ưu đãi của chính sách và nguồn lực khác cũng như đầu tư vào Việt Nam để xuất khẩu sang các nước khác trong và ngoài TPP. Lợi ích của hoạt động này vừa tiết kiệm chi phí vận tải vừa không phải di chuyển lao động ra nước ngoài với chi phí cao hơn sử dụng lao động tại chỗ cho nên các nước này có thể kết hợp cả đầu tư trực tiếp và xuất khẩu hàng hóa để khai thác thị trường.

Đối với trường hợp Trung Quốc, có thể có tính đặc thù thậm chí đặc sắc trong đầu tư sang Việt Nam. Nếu chỉ xem xét dòng FDI mang bản chất thương mại thông thường thì các doanh nghiệp Trung Quốc sẽ đầu tư với quy mô thị trường hiệu quả để tranh thủ ưu đãi về thuế nếu đáp ứng được những quy định về hàm lượng xuất xứ ít nhất 80% nguyên liệu từ các nước TPP. Ngành dệt may và giày dép có khả năng sinh lợi cao trong TPP cho nên đây là động lực để các nhà đầu tư có thể mạnh hàng đầu thế giới đầu tư vào Việt Nam. Những lợi thế của Việt Nam giành được trong đàm phán về các ưu đãi có thể rơi vào các nhà đầu tư Trung Quốc.

Ở khía cạnh quan hệ giữa các nước lớn trong đó có sự cạnh tranh để giành vị thế lãnh đạo thế giới tại khu vực châu Á — Thái Bình Dương, Trung Quốc không muốn Hoa Kỳ gia tăng ảnh hưởng tại khu vực, trong đó có ảnh hưởng tới Việt Nam, điều này có thể làm giảm ảnh hưởng của Trung Quốc. Với cách xem xét này, Trung Quốc có thể vừa xuất khẩu hàng hóa cuối cùng và các linh kiện, vừa đầu tư vào sản xuất tại Việt Nam để giành thị trường trong TPP, bảo đảm cân bằng đầu tư với các đối tác TPP trên thị trường Việt Nam. Điều này có thể kéo theo việc các nhà đầu tư Trung Quốc lợi dụng dòng vốn di chuyển, những hạn

chế về kỹ năng của tay nghề, thể lực, kỷ luật và năng suất lao động thấp của lao động Việt Nam để đưa lao động Trung Quốc sang cư trú lâu dài tại Việt Nam.

Thứ hai, cạnh tranh trong đầu tư gay gắt sẽ tạo áp lực hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là áp lực để Việt Nam cải thiện môi trường đầu tư theo hướng minh bạch, công bằng, đơn giản hóa thủ tục hành chính để giảm thiểu chi phí đầu tư, thay đổi chiến lược đào tạo nhân lực để tránh bị thiệt hại đặc biệt bị bóc lột lao động giá rẻ. FDI sẽ góp phần cải thiện mặt bằng tiền lương của lao động Việt Nam cho nên có thể góp phần cải thiện đời sống người lao động Việt Nam. Điều này cộng hưởng với việc điều chỉnh chính sách tiền lương tối thiểu được cải thiện, tạo một mặt bằng tiền lương mới trên thị trường lao động Việt Nam dựa trên cơ sở điều chỉnh chính sách và áp lực thị trường trong tăng tiền lương trung bình do đầu tư tăng đáng kể. Các doanh nghiệp trong nước có thể học hỏi từ chiến lược đầu tư của đối tác nước ngoài để đổi mới sản phẩm, dịch vụ, tham gia tích cực, chủ động và chuỗi giá trị, tích cực nghiên cứu, tìm kiếm thị trường để tồn tại và phát triển.

3. Thách thức mới sau khi TPP có hiệu lực trong thu hút FDI

Những thách thức mới sau khi TPP có hiệu lực trong thu hút FDI là những vấn đề có thể gây ra chi phí điều chỉnh hoặc thua thiệt về lợi ích, các mối đe dọa về rủi ro chính sách, đầu tư, ngân sách, cạnh tranh...

Thứ nhất, thách thức trong lệch lạc thậm chí “nham nhở” cơ cấu kinh tế vì dòng vốn đầu tư sẽ hướng nhanh chóng và khối lượng lớn vào những ngành, lĩnh vực có khả năng sinh lợi cao, thu hồi vốn nhanh để tranh thủ cơ hội ngắn hạn do TPP mang lại. Những ngành thu hút FDI có tính đầu cơ cao như bất động sản, chứng khoán có thể là những tiêu điểm đầu tư của các nhà đầu tư từ các quốc gia trong và ngoài TPP trong khi những ngành cần thu hút FDI thuộc lĩnh vực công nghệ cao không được thu hút thỏa đáng. FDI lớn kèm theo sự di chuyển lao động có thể làm tăng đáng kể dân số cơ học tại các thành phố lớn hoặc các trung tâm công nghiệp lớn gây áp lực lên cơ sở hạ tầng như nhà ở, dịch vụ y tế, giáo dục... cũng như công tác quản lý tội phạm. Những ngành sử dụng nhiều tài nguyên hoặc lao động rẻ có thể là đối tượng được các nhà đầu tư khai thác, kéo dài quá trình định vị trên khâu giá trị gia tăng thấp của chuỗi giá trị, giảm hiệu quả của đầu tư.

Thứ hai, thách thức trong khả năng hấp thụ khối lượng vốn đầu tư lớn và năng lực quản lý lượng vốn đầu tư lớn này. Một dự án có lượng vốn đầu tư trên 10 tỷ USD có thể có tác động tổng thể đến nguồn cung sản phẩm, cầu về lao động và hàng loạt các loại thủ tục khác liên quan. Nền kinh tế quy mô nhỏ khó có khả năng hấp thụ lượng vốn lớn cho nên có thể làm giảm quyết tâm và sự quan tâm của nhà đầu tư. Việc

quản lý dòng vốn đầu tư thiếu hiệu quả có thể làm giảm hiệu năng của chính sách. Khả năng hấp thu lượng vốn đầu tư phụ thuộc vào dung lượng thị trường cũng như khả năng mở rộng thị trường đầu tư và thị trường tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được tạo ra.

Thứ ba, thách thức về hiệu năng và tính minh bạch, công khai hóa của chính sách đầu tư. Hiệu năng này được thể hiện ở các khía cạnh như sự đồng bộ, nhất quán của chính sách đầu tư cả từ trung ương đến các địa phương, tính trạng cạnh tranh lành mạnh trong thu hút vốn đầu tư giữa các địa phương đặc biệt là các địa phương lân cận nhau, hiệu lực thực hiện và tính kịp thời của các quyết định, tình trạng đơn giản hóa thủ tục hành chính. Hiệu năng thấp sẽ tăng chi phí và lãng phí thời gian, giảm khả năng hấp dẫn đầu tư của Việt Nam và hiệu năng của chính sách đầu tư chưa được cải thiện sẽ làm giảm mức hấp dẫn, tăng rủi ro, tăng thiệt hại về đầu tư, gây nghi ngờ đối với nhà đầu tư nước ngoài. Những điểm chưa hoàn thiện nếu chưa nói là các điểm sơ hở của chính sách đầu tư có thể bị khai thác triệt để, thiệt hại chính sách khó tránh khỏi.

Thứ tư, dòng vốn đầu tư trong nước có thể bị lấn át hoặc có thể bị lợi dụng. Các nhà đầu tư nước ngoài với lợi thế về vốn, công nghệ, thị trường có thể đưa ra các chiến lược khiến doanh nghiệp trong nước, đặc biệt doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể bị cạnh tranh bị mua lại, sáp nhập hoặc bị phá sản. Điều này đe dọa đến việc làm, tăng thất nghiệp, tăng sức ép để giải quyết về các vấn đề xã hội... Bên cạnh đó, lao động giá rẻ có thể bị bóc lột tinh vi.

Thứ năm, thách thức trong liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước với nhau và liên kết giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI trong mạng sản xuất, chuỗi cung ứng hoặc chuỗi giá trị. Những hạn chế về năng lực nghiên cứu và phát triển, thiếu công nghệ hiện đại, năng lực marketing có thể đẩy các doanh nghiệp trong nước vào các công đoạn gia công đơn giản, bán rẻ công lao động để thu giá trị gia tăng thấp.

Thứ sáu, thách thức phát sinh từ chính sách đối ngoại của Trung Quốc do không tham gia TPP nhưng muốn thu lợi ích lớn. Trung Quốc có thể sử dụng chiến lược thay thế triệt để, thậm chí lợi dụng vị thế nước lớn và là công xưởng thế giới để mở rộng quan hệ với các thành viên trong TPP để hưởng lợi trọn gói từ TPP, do đó, có thể biến TPP trở thành áp lực hoặc gánh nặng đối với nền kinh tế hoặc doanh nghiệp, gây chia rẽ giữa các thành viên trong TPP, phá vỡ tính chất đối tác kinh tế chiến lược của TPP. Việc công bố Hiệp định quá sớm gắn với việc cam kết thời gian quá độ kéo dài khoảng 01 năm sau khi hiệp định có hiệu lực thực hiện trên lãnh thổ quốc gia thành viên trở thành khoảng thời gian có lợi để đối tác ngoài TPP đặc biệt đối tác Trung Quốc chuẩn bị phương án đầu tư vào Việt Nam có lợi nhất như thuê đất đai với giá rẻ, lựa chọn địa điểm đầu tư tối ưu và chuẩn bị phương án

đầu tư để đón đầu thị trường.

4. Giải pháp đề xuất

Để tận dụng triệt để cơ hội và thích nghi với thách thức trong thu hút FDI sau khi TPP được ký kết cần có giải pháp từ phía Chính phủ và doanh nghiệp.

Đối với Chính phủ, cần nhanh chóng hoàn tất thủ tục pháp lý, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, giải thích tác động tích cực và tiêu cực của TPP đến các đối tượng hữu quan đặc biệt đến doanh nghiệp, địa phương, cơ quan quản lý, người dân để nâng cao nhận thức và hiểu cụ thể hơn về Hiệp định. Đồng thời, cần rà soát thể chế quản lý FDI, khắc phục sơ hở, sửa đổi những điểm chưa hoàn thiện. Coi trọng việc xây dựng quy hoạch thu hút FDI hiệu quả từ các thành viên TPP và ngoài TPP để hướng dẫn, xúc tiến đầu tư đến từng đối tác hữu hiệu. Cần có cơ chế quan sát thái độ, động thái FDI của các nước như Trung Quốc, Thái Lan,... để có cơ chế cảnh báo sớm những động thái đầu tư, nhất là đầu tư tăng lên đột ngột của từng đối tác đầu tư vào Việt Nam, nhằm giảm thiểu các loại rủi ro có thể xảy ra. Ngoài ra, cần có cơ chế tham vấn với các đối tác trong TPP về chính sách và biện pháp đầu tư FDI của Trung Quốc vào các nước thành viên TPP cần được xây dựng và duy trì hiệu quả kể cả thiết lập đường dây nóng về FDI.

Đối với cộng đồng doanh nghiệp, cần chuẩn bị đội ngũ doanh nghiệp vững mạnh thực sự về vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý, thay đổi phương thức lấy chất lượng, tiến bộ công nghệ và năng lực thực sự làm nền tảng và có chiến lược học hỏi các nhà đầu tư nước ngoài đến từ các quốc gia có trình độ phát triển cao, tiếp cận hiệu quả với các khâu có giá trị gia tăng cao trong chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị. Nghiên cứu và có phương án kết nối chuỗi giá trị với các đối tác đầu tư lớn đặc biệt công ty xuyên quốc gia để cải thiện năng lực cạnh tranh, tăng cường liên kết để mở rộng quy mô, đổi mới liên tục sản phẩm và dịch vụ để thích nghi với điều kiện mới trong TPP, đổi mới tư duy hội nhập từ thụ động sang chủ động, tích cực. Thường xuyên đồng hành với Chính phủ để tham vấn chính sách hiệu quả cũng như tiếp nhận tư vấn, thông tin cảnh báo từ chính phủ. Xây dựng cơ chế cảnh báo và quản lý rủi ro khi thu hút đầu tư trực tiếp sau khi TPP được ký kết và công bố.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội XI. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
2. Nội dung Hiệp định TPP. (Trang web Bộ Công Thương).
3. P. Krugman (1997) Kinh tế học quốc tế. Bản dịch của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia năm 1997.